

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02231** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Tin học**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201161340	Trần Thanh	Danh	29/11/2005			9.5	9.5			9.0		9.2
2	2256201161343	Chau Sóc	Ron	05/01/2004			9.5	9.5			8.5		8.9
3	2256201161344	Phan Thành	Long	09/12/2007			0	0.0			0.0	0.0	0.0
4	2256201161345	Trần Nhựt	Trường	12/07/2004			9.5	9.5			9.5		9.5
5	2256201161346	Phan Thị Kim	Tiền	06/05/2006			0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2256201161390	Trần Trung	Cường	05/10/2007			9.5	9.5			0.0		3.8
7	2256201161391	Nguyễn Thái	Dương	28/04/2004			9.5	9.5			9.0		9.2
8	2256201161393	Đặng Thành	Hiếu	20/08/2007			8	8.5			8.0		8.1
9	2256201161394	Huỳnh Trung	Huy	26/05/2007			9.5	9.5			8.0		8.6
10	2256201161395	Nguyễn Văn	Huy	11/03/2007			9	9.5			8.0		8.5
11	2256201161396	Đoàn Chấn	Khang	20/07/2007			9.5	9.5			9.5		9.5
12	2256201161397	Nguyễn Thanh	Ngọc	02/03/2000			9.5	9.5			9.5		9.5
13	2256201161398	Trần Thị Yến	Ngọc	11/05/2007			9	9.0			9.0		9.0
14	2256201161400	Võ Thanh	Phong	12/03/1999			9.5	9.5			9.5		9.5
15	2256201161401	Chau	Rích	29/12/2004			9.5	9.5			9.0		9.2
16	2256201161403	Trần Minh	Tỉnh	20/07/2005			9.5	9.5			8.0		8.6
17	2256201161404	Nguyễn Phước	Toàn	19/10/2003			9.5	9.5			9.0		9.2
18	2256201161405	Hồ Minh	Triết	01/07/2007			9.5	9.5			8.5		8.9
19	2256201161406	Phạm Luân Bền	Vững	11/05/2006			9.5	9.5			9.0		9.2
20	2256201161407	Nguyễn Ngọc Tường	Vý	30/08/2006			8	7.0			7.5		7.4

Châu Đốc, ngày 22 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang